ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN NINH PHƯỚC	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 16 /BC-UBND	*Ninh Phước, ngày 14 tháng 01 năm 2025*

BÁO CÁO

Công khai và thuyết minh tình hình thực hiện dự toán Ngân sách địa phương năm 2024 trên địa bàn huyện Ninh Phước

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Nghị quyết số 54/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Thuận về việc phân bổ ngân sách địa phương năm 2024.

Căn cứ Nghị quyết số 25/NQ-HĐND ngày 22 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân huyện Ninh Phước khóa X kỳ họp thứ 11, về dự toán thu, chi ngân sách huyện, mức bổ sung cho ngân sách xã, thị trấn và phương án phân bổ ngân sách cấp huyện năm 2024;

Căn cứ tình hình thực hiện dự toán ngân sách huyện trong năm 2024, Ủy ban nhân dân huyện thực hiện công khai và thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách địa phương năm 2024, như sau:

I. Công khai tình hình tài chính ngân sách năm 2024:

1. Tình hình thực hiện thu ngân sách nhà nước trên địa bàn năm 2024:

Tổng nguồn thu ngân sách nhà nước đến hết năm 2024 trên địa bàn là 685.468 triệu đồng, so với dự toán Hội đồng nhân dân huyện giao đạt 119%, trong đó:

- Thu nội địa: 87.345 triệu đồng, đạt 100% dự toán Hội đồng nhân dân huyện giao.

- Thu từ chuyển nguồn năm trước sang: 28.930 triệu đồng

- Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên: 569.193 triệu đồng

2. Tình hình thực hiện chi ngân sách địa phương năm 2024:

- Chi cân đối ngân sách địa phương thực hiện trong năm 2024 đạt 634.212 triệu đồng, đạt 110% dự toán Hội đồng nhân dân huyện giao, trong đó:

+ Chi đầu tư là 80.090 triệu đồng, đạt 100% dự toán Hội đồng nhân dân huyện giao.

+ Chi thường xuyên là 554.122 triệu đồng, đạt 114% dự toán Hội đồng nhân dân huyện giao

(Chi tiết theo các biểu số 93/CK-NSNN; 94/CK-NSNN; 95/CK-NSNN; đính kèm)

II. Hình thức công khai: Công bố trên cổng thông tin điện tử của huyện và gửi thông báo công khai cho các phòng, ban, các đơn vị liên quan và UBND các xã, thị trấn.

III. Thời gian công khai: kể từ ngày ký

Trên đây là báo cáo công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách huyện năm 2024./.

Nơi nhận:
- Uỷ ban nhân dân tỉnh;
- Sở Tài chính;
- Trang thông tin điện tử UBND huyện;
- Văn phòng huyện uỷ;
- Văn phòng HĐND huyện;
- CT, PCT UBND huyện;
- Các phòng, ban thuộc UBND huyện;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện;
- Toà án nhân dân huyện;
- Cơ quan của các đoàn thể huyện ;
- UBND các xã, thị trấn;
- Lưu:VPUB, TC-KH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Ngô Khánh

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN NINH PHƯỚC

BIỂU SỐ 93/CK-NSNN

CÂN ĐỐI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH HUYỆN NĂM 2024

(Kèm theo Báo cáo số 16 /BC-UBND ngày 14 /01/2025 của Ủy ban nhân dân huyện Ninh Phước.)

ĐVT: triệu đồng.

STT	Chỉ tiêu	Dự toán	Thực hiện năm 2024	So sánh thực hiện với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
	TỔNG NGUỒN THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	**92.600**	**105.573**	**114**	**100**
A	**TỔNG THU NGÂN SÁCH HUYỆN**	**576.368**	**685.468**	**119**	**115**
I	**Thu cân đối NSNN**	**87.400**	**87.345**	**100**	**90**
1	Từ khoản thu ngân sách huyện được hưởng 100%	87.400	87.345	100	90
2	Thu viện trợ				
II	**Thu các khoản quản lý chi qua NSNN**	-	-		
III	**Thu chuyển nguồn ngân sách năm trước chuyển sang**		**28.930**		**43**
IV	**Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên**	**488.968**	**569.193**	**116**	**132**
V	**Thu cân đối từ nguồn CCTL năm trước chuyển sang**				
B	**TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN**	**576.368**	**634.212**	**110**	**117**
I	**Tổng chi cân đối ngân sách huyện**	**576.368**	**634.212**	**110**	**117**
1	Chi đầu tư phát triển	79.742	80.090	100	95
2	Chi thường xuyên	486.430	554.122	114	121
3	Chi Dự phòng	10.196		-	
4	Dự phòng tăng thu				
5	Chi từ nguồn thu để lại đơn vị chi quản lý qua ngân sách nhà nước				
6	Chi nộp NS cấp trên				
II	**Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách tỉnh**				

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN NINH PHƯỚC

BIỂU SỐ 94/CK-NSNN

THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024

(Kèm theo Báo cáo số 16 /BC-UBND ngày 24 /01/2025 của Ủy ban nhân dân huyện Ninh Phước.)

STT	Nội dung	Dự toán năm	Thực hiện năm 2024	So sánh	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
A	**TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN**	**92.600**	**105.573**	**114**	**100**
I	**Thu nội địa**	**92.600**	**105.573**	**114**	**100**
1	Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước (XDCB)	4.000	7.764	194	128
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài				
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	18.300	22.599	123	126
4	Thuế thu nhập cá nhân	10.000	10.150	102	101
5	Thuế bảo vệ môi trường				
6	Lệ phí trước bạ	19.000	18.194	96	112
7	Thu phí, lệ phí	3.000	3.830	128	127
8	Các khoản thu về nhà đất	32.600	31.864	98	80
	Thuế sử dụng đất nông nghiệp				
	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp		*166*		134
	Thu tiền sử dụng đất	*32.000*	*28.794*	90	74
	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	*600*	*2.904*	484	387
	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hưu nhà nước				
9	Thu từ hoạt động sổ xố kiến thiết				
10	Thu khác ngân sách	4.000	8.189	205	108
11	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác	1.700	2.983	175	92
12	Thu hồi các khoản chi năm trước		-		
III	**Thu từ các khoản thu để lại quản lý qua NSNN**		**-**		
IV	**Thu viện trợ**				
B	**THU NGÂN SÁCH HUYỆN HƯỞNG THEO PHÂN C**	**87.400**	**87.345**	**100**	**90**
1	Từ các khoản thu phân chia				
2	Từ khoản thu ngân sách huyện được hưởng 100%	87.400	87.345	100	90

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN NINH PHƯỚC

BIỂU SỐ 95/CK-NSNN

THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH HUYỆN NĂM 2024

(Kèm theo Báo cáo số 16 /BC-UBND ngày 14 /01/2025 của Ủy ban nhân dân huyện Ninh Phước.)

Đvt: triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán	Thực hiện năm 2024	So sánh thực hiện với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN	**576.368**	**634.212**	**110**	**117**
A	**CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN**	**576.368**	**634.212**	**110**	**117**
I	**Chi đầu tư phát triển**	**79.742**	**80.090**	**100**	**95**
1	Chi đầu tư cho các dự án	79.742	80.090	100	95
2	Chi đầu tư phát triển khác				
II	**Chi thường xuyên**	**486.430**	**554.122**	**114**	**121**
1	Chi quốc phòng	3.223	8.261	256	87
2	Chi an ninh	3.224	3.640	113	199
3	Chi giáo dục, đào tạo và dạy nghề	285.382	324.696	114	125
4	Chi y tế, dân số và gia đình	21.122	24.517	116	81
5	Chi văn hóa thông tin	2.165	2.928	135	105
6	Chi phát thanh, truyền hình	1.312	1.252	95	126
7	Chi thể dục thể thao	1.026	878	86	102
8	Chi bảo vệ môi trường	5.700	6.100	107	116
9	Chi hoạt động kinh tế	39.309	48.141	122	135
10	Chi hoạt động của cơ quan quản lý hành chính, đảng, đoàn thể	74.298	83.038	112	129
11	Chi đảm bảo xã hội	48.253	49.661	103	111
12	Chi khác	1.416	1.010	71	99

STT	Nội dung	Dự toán	Thực hiện năm 2024	So sánh thực hiện với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
III	Dự phòng ngân sách	10.196		-	
IV	Dự phòng tăng thu				
B	Chi từ các khoản thu quản lý qua NSNN				
C	CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH CẤP TRÊN	-	-		
D	Chi nộp ngân sách cấp trên				
E	Chi chuyển nguồn				